

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST .

Ngày: 19-8-2019

V/v: “ Tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Bà Dư Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 19 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 235/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 05 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bá L, sinh năm: 1983 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm L, sinh năm: 1986 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản khai, nguyên đơn anh Nguyễn Bá L xác định: Anh và chị L tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, hôn lễ được tổ chức vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L có quan hệ tình cảm với người khác, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm rạn nứt, đời sống chung không còn hạnh phúc. Nên giữa anh và chị L đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2018. Nay xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu ly hôn. Về con, anh và chị L có hai con chung Nguyễn Ngọc Diệu L, sinh ngày 26/6/2006 và Nguyễn Đức Q, sinh ngày 21/5/2013. Hiện hai con đang sống cùng với anh . Anh yêu cầu được quyền nuôi

dưỡng cả hai con trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung không có.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm L xác định trình bày của anh L về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là đúng. Nhưng chị không đồng ý với ý kiến của anh L cho rằng chị có quan hệ bất chính mà đó là do anh L thay đổi tính ý hay ghen tuông vô cớ và có hành động đánh đập chị nhiều lần. Nhưng vì nghĩ con cái, chị nhin nhục chịu đựng nhưng anh L vẫn không thay đổi. Do bản thân không còn sức chịu đựng được nữa nên chị đã bỏ nhà ra đi từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Nay anh L yêu cầu ly hôn, chị đồng ý. Về con, chị đồng ý xem xét theo ý kiến của con, nếu con có nguyện vọng sống với anh L, chị thống nhất giao hai con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con. Chị có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Anh L khởi kiện xin ly hôn với chị L và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 – Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và chị L có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện Giồng Riềng nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Anh Nguyễn Bá L và chị Nguyễn Thị Diễm L với tư cách là nguyên đơn và bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh L, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh L và chị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bá L và chị Nguyễn Thị Cẩm L tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Giữa anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Nhưng nguyên nhân của sự mâu thuẫn được anh chị xác định không đồng nhất, anh chị luôn đổ lỗi cho nhau mà không tìm giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Và giữa anh L và chị L đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Từ đó, cho thấy anh chị đã không thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu ly hôn chị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh L được ly hôn chị L.

[2.1] Về con chung: Anh L, chị L cùng xác định anh chị có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Diệu L, sinh ngày 26/6/2006 và Nguyễn Đức Q, sinh ngày 21/5/2013. Hiện hai con đang sống cùng với anh L. Anh L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải*

xem xét nguyện vọng của con”. Xét ý kiến của cháu L thì cháu có nguyện vọng sống với anh L. Riêng đối với cháu Q chưa đủ 7 tuổi nên không thể hiện ý kiến, Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ ngày anh L và chị L ly thân nhau, cháu Q sống với anh L, cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Bản thân chị L cũng không có ý kiến phản đối gì đối với việc anh L nuôi dưỡng con. Mặc khác, tại bản khai chị L cũng đồng ý giao hai con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử quyết định giao hai con Nguyễn Ngọc Diệu L, sinh ngày 26/6/2006 và Nguyễn Đức Q, sinh ngày 21/5/2013 cho anh Nguyễn Bá L trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh L không yêu cầu cấp dưỡng và chị L cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị L có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung

[2.3] Về tài sản và nợ chung không có nên không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm anh L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh trung đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 1256 ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh L đã nộp đủ nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Nguyễn Bá L được ly hôn chị Nguyễn Thị Diễm L.

2. Về con chung: Xử giao hai con Nguyễn Ngọc Diệu L, sinh ngày 26/6/2006 và Nguyễn Đức Q, sinh ngày 21/05/2013 cho anh Nguyễn Bá L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Bá L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 1256 ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đ- ơng sự;
- L- u.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌẠ PHIÊN TỌẠ